

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC THỰC TIỄN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

DOÃN CÔNG KHÁNH

Viện Nghiên cứu Thương mại

Toàn cầu hoá đã tạo lập nền tảng cho việc duy trì tỉ lệ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, chuyển đổi cơ cấu và phát triển xã hội ở nhiều (nhưng không phải tất cả) quốc gia đang phát triển và điều đặc biệt là tiến trình toàn cầu hoá đã mở ra các cơ hội không hạn chế cho sự hợp tác và hội nhập hiệu quả về thương mại, đầu tư, dịch vụ giữa các quốc gia, các cộng đồng, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam.

Việt Nam – Trung Hoa, núi liền núi, sông liền sông. Thực hiện đường lối đổi mới và chính sách mở cửa do Đại hội VI đề ra, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm biến biên giới Việt – Trung thành biên giới hoà bình, hữu nghị, đoàn kết và hợp tác, trong đó phát triển thương mại, mở rộng giao lưu kinh tế được xem là một trong những “lối mở” hợp quy luật và xu thế thời đại sau khi hai nước đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới. Điều đó có thể thấy rõ khi nhìn vào “bức tranh thống kê” phản ánh động thái quan hệ thương mại giữa hai nước trong thập

niên 90 thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI.

1. Về quy mô và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 1991-2007

Từ kim ngạch gần 3 tỷ USD vào năm 2000, hai nước đã đưa ra mục tiêu kim ngạch buôn bán hai chiều 5 tỷ USD vào năm 2005 (tăng bình quân hơn 11,1%/năm), nhưng mục tiêu này hầu như đã bị “đổ” ngay từ năm 2003 bởi kim ngạch lên tới 4,87 tỷ USD. Đến năm 2005, kim ngạch buôn bán hai chiều đạt 8,739 tỷ USD (cao gấp 1,75 lần) và đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 19,79%/năm. Năm 2006, với kim ngạch buôn bán hai chiều đạt 10,421 tỷ USD, “ngưỡng” 10 tỷ USD cũng đã bị vượt qua. Tính chung lại, trong 6 năm vừa qua, kim ngạch buôn bán hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc đã tăng bình quân 23,36%/năm. Liên tục trong ba năm gần đây Trung Quốc đã thay Nhật Bản trở thành đối tác thương mại lớn nhất của nước ta.

XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1991- 2007

Năm	XK của VN sang TQ		NK của VN từ TQ		Cán cân thương mại	
	Quy mô (Triệu USD)	Tốc độ (%)	Quy mô (Triệu USD)	Tốc độ (%)	Quy mô (Triệu USD)	Tỷ lệ so với XK (%)
1991	19,1	-	18,4	-	+0,7	+37
1992	95,6	400,5	31,8	72,8	+63,8	+66,7
1993	135,8	42,0	85,5	168,9	+50,3	+37,0
1994	295,7	117,7	144,2	68,7	+151,5	+51,2
1995	361,9	22,4	329,7	128,6	+32,2	+8,9
1996	340,2	-6,0	329,0	-0,2	+11,2	+3,3
1997	474,1	39,4	404,4	22,9	+69,7	+14,7
1998	440,1	-7,2	515,0	27,3	-74,9	-17,0
1999	746,4	69,6	683,4	32,7	+63,0	+8,4
2000	1.534,0	105,8	1.423,2	105,0	+110,8	+7,2
2001	1.418,1	92,4	1.629,1	114,5	-211,0	-14,9
2002	1.495,5	105,5	2.158,8	132,5	-663,3	-44,4
2003	1.747,7	116,9	3.122,3	144,6	-1.734,6	-99,3
2004	2.735,5	156,5	4.456,5	142,7	-1.721,1	-62,9
2005	2.961,0	108,2	5.778,9	129,7	-2.817,9	-95,2
2006	3.030,0	102,3	7.390,9	127,9	-4.369,0	-144,2
2007*	3.200,0	105,6	10.000,0	135,3	-6.800	-212,5

Nguồn: Niên giám thống kê 1995- 2006 và tính toán của nhóm nghiên cứu.

** Số liệu dự ước*

KIM NGẠCH XNK VIỆT NAM –TRUNG QUỐC PHÂN THEO GIAI ĐOẠN

Giai đoạn	Tổng kim ngạch XNK (triệu USD)	% tăng BQ	KNXK (triệu USD)	% tăng BQ	KNNK (triệu USD)	% tăng BQ
1991- 1995	1.517,7		908,1	245,7	609,6	209,8
1996- 2000	6.870,1		3.537,2	151,8	3.332,9	147,8
2001- 2006	37.563,9		13.387,8	117,9	24.536,5	135,5

Năm 2007, kim ngạch hai chiều theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Trung Quốc đạt 15,115 tỷ USD (xuất khẩu đạt 3,215 tỷ, nhập siêu 8,684 tỷ) hoàn thành trước thời hạn mục tiêu 15 tỷ USD vào năm 2010 mà lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác lập.

Xét trên tổng thể, các số liệu thống kê của nước ta trong 6 năm gần đây cho thấy, sau bước lùi vào thời điểm năm 2001, xuất khẩu hàng hoá sang thị trường Trung Quốc tuy đã liên tục phát triển, đặc biệt là bước “đại nhảy vọt” vào năm 2004, nhưng nhịp độ tăng trưởng bình quân cũng chỉ là 12,02%.

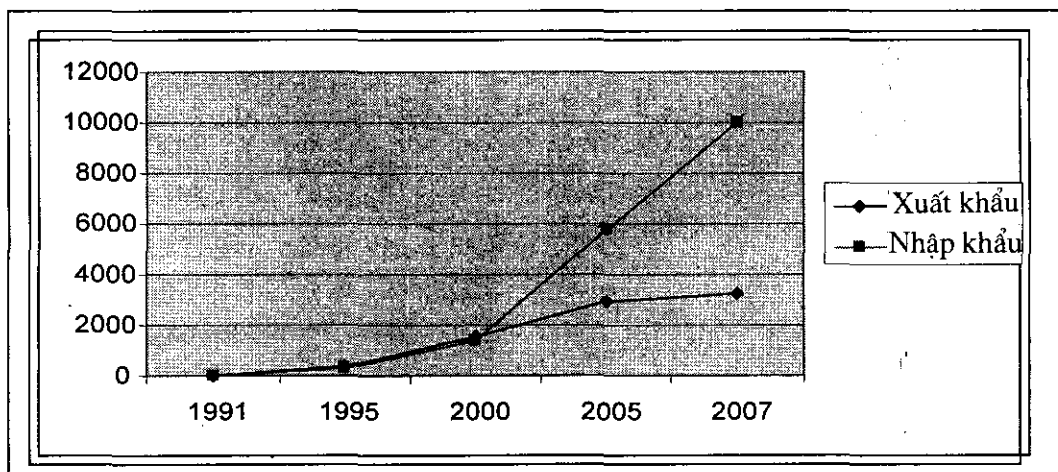
Rõ ràng, đây là con số khá thấp nếu so với nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu

chung ra thị trường thế giới trong cùng kỳ (18,41%/năm), và càng thấp so với nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu 19,23%/năm sang 9 đối tác thương mại (gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ôxtrâylia, Xinh-ga-po, CHLB Đức, Hà Lan, Anh, Đài Loan và Pháp - xếp hạng theo thứ tự năm 2004), hiện đang chiếm 59,20% tổng lượng hàng hoá của nước ta xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Không những vậy, nếu xem xét một cách chi tiết hơn, vấn đề không phải chỉ là tốc độ phát triển xuất khẩu đã bị chững lại, mà đã xuất hiện xu hướng suy giảm một cách hết sức đáng lo ngại hiện nay trong việc phát triển thị trường này.

Hình 1. QUAN HỆ XUẤT - NHẬP KHẨU VIỆT NAM –TRUNG QUỐC

Đơn vị: triệu USD



2. Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu

Hiện nay, Trung Quốc đang là bạn hàng nhập khẩu số 1 về cao su, hạt điều, là nước nhập khẩu thủy sản thứ 3, là nước nhập khẩu trên 56% giá trị rau quả

tươi của Việt Nam. Ngoài ra, một số mặt hàng tiêu dùng của Việt Nam cũng bắt đầu thâm nhập và từng bước mở rộng thị phần trên thị trường Trung Quốc như: giày dép, hàng dệt may, linh kiện điện tử...

Trong 6 năm gần đây (2002- 2007), nhìn chung cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đã không ngừng được mở rộng. Cụ thể, ở thời điểm năm 2001, trong danh mục những mặt hàng chủ yếu của nước ta xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt kim ngạch từ 1 triệu USD trở lên tuy gồm 15 mặt hàng, nhưng tổng cộng cũng chỉ đạt 1,156 tỷ USD và chiếm

81,52% tổng kim ngạch xuất khẩu của năm này. Năm 2006, tuy danh mục này cũng chỉ tăng lên 18 mặt hàng, nhưng đã đạt 2,331 tỷ USD và chiếm 76,93% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Số mặt hàng đạt quy mô xuất khẩu 10 triệu USD trở lên năm 2001 chỉ gồm 8 mặt hàng, thì con số này trong năm 2006 đã là 13 mặt hàng.

**CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VIỆT NAM
SANG TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2002 - 2006**

Đơn vị: triệu USD

TT	Mặt hàng	2002	2003	2004	2005	2006
1	Dầu thô	686.79	847.80	1471.00	1160.16	399.91
2	Cao su	88.66	147.00	357.00	519.20	851.38
3	Thủy sản	195.30	77.80	48.10	61.97	65.05
4	Rau quả	121.50	67.10	24.90	34.94	24.61
5	Hạt điều	38.10	52.40	70.20	97.36	94.49
6	Than đá	44.10	48.87	134.00	370.17	594.76
7	Dệt may	19.59	28.45	14.80	8.14	
8	Máy tính linh kiện	19.30	22.49	25.90	74.56	73.81
9	Đồ gỗ	11.30	12.38	35.00	60.34	94.07
10	Giày dép	7.28	10.91	18.30	28.32	29.70
11	Sản phẩm nhựa	2.80	7.44	4.70	3.14	
12	Cà phê	3.92	6.90	5.80	7.63	
13	Gạo	1.68	0.29	19.20	11.96	12.44

Nguồn: Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Như vậy, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là vấn đề mang tính chiến lược của nước ta hiện nay do Trung Quốc - một nền kinh tế mang tính “công xưởng” của thế giới sẽ còn tiếp tục duy trì tốc độ phát triển cao trong những

năm tới. Vấn đề đặt ra là: *nếu như cơ cấu hàng hoá xuất khẩu không có những đột phá và bước chuyển mạnh mẽ, xu thế suy giảm tốc độ xuất khẩu sang thị trường này sẽ là điều không thể tránh khỏi.*

3. Cơ cấu hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc

CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU TỪ TRUNG QUỐC (tr. USD)

TT	Mặt hàng	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
1	Xăng dầu	46.0	131.6	231.7	473.4	721.1	739.8	884.3	555.3
2	Máy móc thiết bị, phụ tùng	103.7	166.5	219.4	347.9	446.8	607.1	817.6	1200.1
3	Phân bón các loại	15.0	24.0	62.3	57.7	244.2	391.9	264.3	119.0
4	Nguyên phụ liệu may, da giày		23.3	74.1	127.9	200.5	290.2	323.6	304.8
5	Sắt thép	42.8	75.1	54.7	69.1	108.2	409.5	718.0	1296.2
6	Linh kiện điện tử, máy tính	9.0	20.3	22.0	42.3	63.9	103.8	155.4	243.2
7	Chất dẻo nguyên liệu		4.1	5.0	10.4	13.0	22.3	35.2	
8	Tân dược		4.9	5.6	5.8	6.7	6.1	6.3	
10	Vải các loại		37.3	47.0		320.1	464.0	661.2	895.6
11	Linh kiện, phụ tùng xe máy							118.9	101.3
12	Hoá chất		61.1	73.9		130.9	155.8	169.9	203.8
13	Kim loại thường khác		28.7	20.0		32.9	75.4	71.9	
14	Sợi		17.3	17.3		39.3	46.7	51.5	
15	Giấy		3.7	4.9		8.8	12.9	17.5	

Nguồn: Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

- **Giai đoạn 1991 – 1995:** Những mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn này chủ yếu là: thuốc bắc, bông, vải sợi, hàng dệt kim và quần áo may sẵn, pin các loại, thuốc lá, xà phòng giặt, nước giải khát, dầu thực vật, đường sữa, đồ dùng gia đình, xe đạp, giấy... Hàng hóa nhập từ Trung Quốc với khối lượng lớn, chủng loại đa dạng, chất lượng thấp nhưng giá rẻ, phù hợp với thu nhập ở mức thấp nên chỉ sau một thời gian ngắn đã tràn ngập thị trường Việt Nam. Đặc biệt, trong thời kỳ này, hàng hóa nhập lậu qua biên giới với khối lượng lớn đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến một số ngành sản xuất của Việt Nam như: dệt kim, may mặc, sành sứ, thủy tinh, sản xuất xe đạp...

- **Giai đoạn 1996 – 2000:** Đây là thời kỳ kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng tương đối ổn định, tăng 8 lần so với giai đoạn 1991 – 1995. Hàng hóa Trung Quốc xuất sang Việt Nam rất phong phú và đa dạng (có đến 200 nhóm và mặt hàng, gấp đôi số nhóm và mặt hàng Việt Nam xuất sang Trung Quốc).

Trong các mặt hàng và nhóm hàng nhập khẩu nêu trên, hàng hóa là máy móc thiết bị chiếm 27,95%, nguyên liệu chiếm 19,7%; hàng tiêu dùng chiếm 47%... Những nhóm hàng có khối lượng nhập lớn trong thời kỳ này là: máy móc nông nghiệp và chế biến nông lâm sản, thiết bị sản xuất xi măng lò đứng, máy móc cho ngành dệt, thiết bị sản xuất phân bón và các loại máy phát điện cỡ nhỏ

- Giai đoạn 2001- 2007

Các số liệu thống kê những năm gần đây cho thấy, nếu như kim ngạch nhập khẩu hàng hoá từ thị trường Trung Quốc năm 2000 chỉ mới là 1,4 tỷ USD, thì năm 2006 đã đạt 7,391 tỷ USD, tức là đã tăng 31,59%/năm. Đây thực sự là một kỷ lục xét trên nhiều phương diện: tăng cao 1,64 lần nhịp độ tăng trưởng nhập khẩu chung từ thị trường thế giới; tăng cao kỷ lục so với nhịp độ tăng nhập khẩu từ chín thị trường chủ yếu của nước ta trong giai đoạn này. Năm 2007, nhập siêu từ Trung Quốc vẫn ở mức cao: 8,684 tỷ USD.

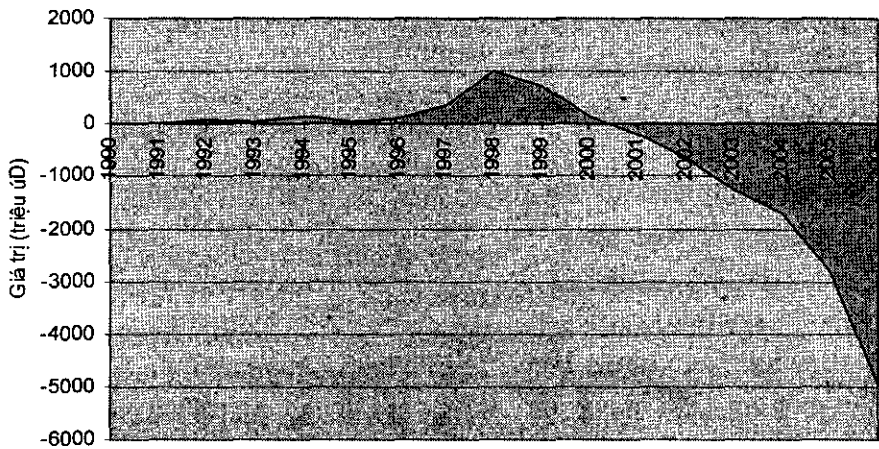
Chính vì nhập khẩu hàng hoá từ thị trường này liên tục tăng bùng nổ như vậy, cho nên ngay từ năm 2003 ,Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để trở thành quốc gia xuất khẩu hàng hoá lớn nhất cho nước ta trong bốn năm qua.

Con số kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của nước ta từ thị trường Trung Quốc lớn hơn gấp 2,44 và 3,12 lần kim ngạch xuất khẩu hàng hoá sang thị trường này các năm 2006 và 2007 cho thấy một thực tế là : *dù thị trường nước ta còn rất nhỏ, nhưng các doanh nghiệp Trung Quốc đã khai thác thị trường Việt Nam tốt hơn nhiều so với những gì các doanh nghiệp nước ta làm được từ thị trường này. Họ đã trở thành người “lập công đầu” trong việc liên tục hoàn thành rất sớm các mục tiêu mở rộng quy mô buôn bán hai chiều do lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai nước đã đặt ra trong những năm vừa qua.*

4. Về cán cân thương mại giữa Việt Nam với Trung Quốc

Thâm hụt cán cân thương mại Việt Nam – Trung Quốc trong giai đoạn 1990-2006 được thể hiện trong Hình 2.

HÌNH 2: CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1990-2006



Nguồn: Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) và Tổng cục Hải quan.

Giai đoạn 1991 – 1995, tổng xuất siêu của Việt Nam đối với Trung Quốc là 298,5 triệu USD, chiếm 46,8% so với kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc. Giai đoạn 1996 – 2000, tổng xuất siêu đạt 204,3 triệu USD, chỉ chiếm 5,8% , thấp hơn cả về số tuyệt đối và số tương đối so với giai đoạn trước (tỷ lệ 5,8% này chỉ bằng 1/8 so với giai đoạn 1991 – 1995. Như vậy trong suốt thời kỳ 1991 – 2000, Việt Nam liên tục xuất siêu sang Trung Quốc (*chỉ trừ năm 1998 Việt Nam nhập siêu là 74,9 triệu USD, chiếm 17% so với kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc trong năm này*). Tổng xuất siêu của Việt Nam vào Trung Quốc cả thời kỳ 1991 – 2000 là 502,8 triệu USD , chiếm 12% so với tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc và chiếm 0,7% so với kim ngạch xuất khẩu của cả nước thời kỳ này. Đây là thời kỳ tốc độ tăng trưởng xuất siêu bình quân của Việt Nam đối với thị trường Trung Quốc là khá cao (79,5%/năm).

Các kết quả tính toán từ các số liệu thống kê xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với Trung Quốc trong bảy năm gần đây cho thấy, từ xuất phát điểm xuất siêu 110,8 triệu USD, bằng 7,79% kim ngạch nhập khẩu năm 2000, chúng ta đã chuyển sang nhập siêu gần gấp đôi trong năm 2001 (211,0 triệu USD), bằng 14,48% kim ngạch xuất khẩu và đến nay vẫn hầu như liên tục tăng “phi mã”: năm

2002 tăng lên 663,3 triệu USD; năm 2003 tăng gần gấp ba lần (1.734,6 triệu USD); năm 2004 dừng ở mức 1.721,1 triệu USD; năm 2005 tăng gấp 1,64 lần (2.817,9 triệu USD); năm 2006 vừa qua tiếp tục tăng 1,55 lần và đạt kỷ lục 4.360,9 triệu USD. Năm 2007, nhập siêu 8,684 tỷ USD. Tính chung lại, trong những năm đầu thập kỷ này, nhịp độ tăng nhập siêu của nước ta từ thị trường Trung Quốc đã đạt kỷ lục 83,26%/năm.

Đây thực sự là những mức nhập siêu rất cao, bởi chỉ riêng nhập siêu từ thị trường này đã chiếm tỷ trọng khá lớn trong “rổ hàng hoá nhập siêu” của nước ta: năm 2001: 18,58%; năm 2002: 21,91%; năm 2003: 34,34%; năm 2004: 31,58%; năm 2005: 62,12%; năm 2006 đạt kỷ lục 86,10%.

Nếu kể cả thương mại dịch vụ, bao gồm *ngân hàng, du lịch, viễn thông và mua điện* thì chắc chắn thâm hụt thương mại của Việt Nam còn cao hơn số liệu đã được Hải quan Việt Nam và Hải quan Trung Quốc công bố.

Nếu như thâm hụt thương mại về số lượng đặt ra những vấn đề nghiêm túc về cân đối tài khoản vãng lai giữa hai nền kinh tế thì cơ cấu hàng xuất, nhập khẩu lại cho thấy chất lượng của trao đổi thương mại giữa hai nước ngày càng bất lợi cho phía Việt Nam.

Triển vọng tiếp tục gia tăng nhập siêu từ Trung Quốc trong những năm tới là rất lớn. Do vậy, vấn đề tìm kiếm những

giải pháp để khắc phục quá trình tăng tốc nhập siêu mà Chủ tịch hai nước đã sớm khẳng định khi quyết định tăng tốc quan hệ thương mại hai chiều lên gấp rưỡi vào cuối thập kỷ này đã trở thành vấn đề ngày càng bức xúc.

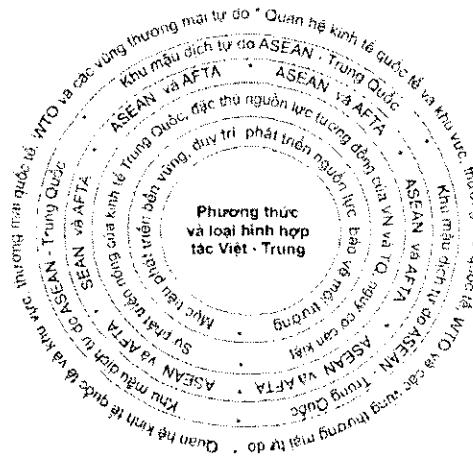
Mặc dù có sự thâm hụt cao trong cán cân thương mại với Trung Quốc nhưng đó cũng là điều kiện cho phát triển kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khác. Như vậy, dù có bị thâm hụt cao nhưng không phải là điều quá phải lo lắng khi thâm hụt này được bù đắp bằng thặng dư từ các thị trường khác. Tuy nhiên cũng phải nói rằng: *nhập siêu rất lớn ở một số quốc gia châu Á, xuất siêu ở một số quốc gia ngoài khu vực châu Á đã trở thành "căn bệnh cố hữu" của nền kinh tế nước ta.*

Cơ cấu thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc là một ví dụ điển hình cho quan hệ Bắc - Nam (*khái niệm trong kinh tế học được dùng để chỉ quan hệ thương mại giữa nước phát triển ở phía Bắc bán cầu và nước đang phát triển ở phía Nam*), trong đó Việt Nam chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu, sản phẩm thô có giá trị gia tăng thấp để các doanh nghiệp Trung Quốc sản xuất, và nhập những sản phẩm chế tác, có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao hơn do Trung Quốc sản xuất, trong đó có không ít sản phẩm sử dụng nguyên liệu của Việt Nam như ruột, vỏ xe sử dụng cao su, xăng dầu được lọc từ dầu thô, điện sử dụng than...

Những nghịch lý này đặt ra những câu hỏi nghiêm túc về sự phát triển kinh tế của chúng ta: *thâm hụt thương mại này có thể tiếp diễn đến mức độ nào và tác động như thế nào tới nền kinh tế Việt Nam (về cán cân thanh toán quốc tế, nhất là cán cân vãng lai, việc làm và thu nhập của lao động Việt Nam...)*. Có thể dự đoán rằng cuộc cạnh tranh này sắp tới sẽ còn gay gắt hơn, đòi hỏi Việt Nam phải có chính sách và phương án thích hợp.

Xét về phương thức giao dịch, thương mại Việt Nam - Trung Quốc chủ yếu được thực hiện qua đường tiểu ngạch. Buôn bán tiểu ngạch tạo thuận lợi cho doanh nghiệp giảm được 50% thuế, tiết kiệm một số chi phí bao bì, chất lượng hàng hoá không đòi hỏi cao, thậm chí tránh được kiểm dịch về an toàn vệ sinh. Tuy nhiên, buôn bán tiểu ngạch có nhiều điểm yếu, điểm yếu nhất là bị động, không ổn định. Yếu tố không chắc chắn trong buôn bán tiểu ngạch khiến thương mại Việt - Trung rủi ro cao và cũng tác động vào các hợp đồng thương mại chính ngạch trong nước. Buôn bán tiểu ngạch diễn ra phụ thuộc chủ yếu vào giá cả, khi giá tăng dẫn tới hiện tượng tranh mua ở thị trường trong nước, việc tranh mua đối với nhiều loại nông sản gây phá vỡ các hợp đồng của các đối tác đã ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với nông dân.

Hình 3: MỘT SỐ RÀNG BUỘC VÀ LƯU Ý TRONG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT - TRUNG



Với phương châm là tận dụng tối đa cơ hội từ sự phát triển của Trung Quốc để tăng kim ngạch xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, quản lý tốt thương mại biên mậu, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, trao đổi thương mại trên cơ sở quan hệ kinh doanh thương mại bình đẳng theo đúng khuôn khổ WTO, những định hướng lớn phát triển thương mại Việt Nam với Trung Quốc cần quán triệt là:

Về xuất khẩu: Trước hết, phải củng cố và đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực đang xuất khẩu và đã đứng chân được tại thị trường Trung Quốc. Từng bước nâng cao chất lượng, tăng hàm lượng chế biến, giảm xuất khẩu thô. Khai thác tiềm năng xuất khẩu những mặt hàng mới theo hướng đầu tư từ các nguồn vốn trong nước và vốn FDI. Tận dụng cơ hội mở cửa thương mại và đầu tư để thu hút FDI đẩy mạnh xuất khẩu,

tham gia vào chuỗi giá trị hàng hoá của khu vực. Phấn đấu tăng tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu sang Trung Quốc. Đẩy mạnh hợp tác thương mại theo hướng hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp Trung Quốc.

Về nhập khẩu: Trong giai đoạn 2008 - 2015, nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc vẫn tăng mạnh do mở cửa thương mại và nhu cầu về nguyên liệu, thiết bị, máy móc của ta vẫn còn lớn. Sẽ có sự chuyển giao công nghệ từ Trung Quốc sang Việt Nam trong những ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, lắp ráp điện tử. Dự báo, tốc độ tăng nhập khẩu vẫn ở mức cao từ nay cho đến năm 2015, trong đó giai đoạn 2008 - 2010 tăng cao hơn. Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 12/năm.

- *Về xử lý nhập siêu:* Do nhu cầu của Việt Nam về nhập khẩu các loại hàng hoá từ Trung Quốc còn rất lớn và cùng với việc miễn giảm thuế theo khuôn khổ ACFTA, hàng nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng mạnh, trong khi xuất khẩu của Việt Nam tăng có mức độ và các giải pháp hạn chế nhập siêu chưa thể phát huy tốt hiệu quả thì tình hình nhập siêu từ Trung Quốc giai đoạn 2008-2015 chưa thể có sự thay đổi lớn, thậm chí còn tăng đến năm 2015. Tuy nhiên, việc nhập siêu từ Trung Quốc phải được nhìn nhận trên góc độ tổng thể và dài hạn. Nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn này là điều kiện để tăng xuất khẩu ở thị trường khác. Như vậy, Việt Nam chỉ có thể đặt vấn đề là không để nhập siêu từ Trung Quốc tăng quá mức.

- *Về phát triển mậu dịch biên giới:* Phấn đấu đến năm 2010, tiến tới lành mạnh hoá và nâng cao hiệu quả hoạt động của biên mậu Việt - Trung để góp phần phát triển kinh tế, thương mại của các tỉnh giáp biên giới Việt - Trung. Phấn đấu xây dựng các trung tâm hàng hoá tại các tỉnh giáp biên giới Việt - Trung để phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu của cả nước qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Cần xây dựng cơ chế điều tiết, quản lý biên mậu linh hoạt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương. Phát huy tối đa lợi thế về địa lý và điều kiện tự nhiên biên giới với Trung Quốc để phát triển hoạt động biên mậu giữa hai nước. Phát triển biên mậu Việt - Trung theo hướng văn minh, hiện đại, góp phần chống buôn lậu, đồng thời kết

hợp với bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới.

- *Về phát triển cơ sở hạ tầng thương mại:* Tăng cường hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng cho hoạt động thương mại như đường giao thông, các khu kinh tế cửa khẩu, nâng cấp các cảng chu chuyển. Đẩy mạnh hợp tác về ngân hàng, thanh toán, kết cấu hạ tầng về thông tin. Đầu tư cho công tác hải quan, kiểm định hàng hoá xuất nhập khẩu.

Một số giải pháp

- Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý cho hợp tác thương mại với Trung Quốc: Rà soát lại những Hiệp định đã ký kết giữa hai bên để có những điều chỉnh phù hợp với các can kết quốc tế (WTO, ACFTA), đồng thời nâng cao tính hiệu lực của các điều khoản đã cam kết. Điều chỉnh và bổ sung các chính sách giữa Việt Nam và Trung Quốc theo hướng tạo cơ chế mở hơn nữa cho hoạt động thương mại trên các hành lang; Hoàn thiện chính sách thuế tạo môi trường thuận lợi cho thương mại và đầu tư như áp dụng chính sách ưu đãi tài chính đối với vùng kinh tế cửa khẩu, cải thiện hệ thống thanh toán, tăng cường sự phối hợp trao đổi định kỳ các biện pháp quản lý và giám sát buôn bán biên giới.

- Tranh thủ vị thế thuận lợi có được sau khi gia nhập WTO và bối cảnh hội nhập khu vực để thu hút đầu tư nước ngoài nhằm phát triển xuất khẩu và thay thế nhập khẩu. Đây là giải pháp quan trọng nhất để nâng cao khả năng

cạnh tranh của hàng xuất khẩu và cải thiện cán cân thương mại với Trung Quốc. Trước hết là cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI từ các công ty xuyên quốc gia vào các lĩnh vực công nghệ cao, cơ sở hạ tầng và công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, Việt Nam cần có chính sách để kiểm soát việc nhập khẩu công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng hoá xuất khẩu để tận dụng lợi thế cạnh tranh trong quan hệ thương mại với Trung Quốc. Nỗ lực chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, nhanh chóng xác lập lợi thế so sánh trong những ngành liên quan đến máy móc. Phát huy lợi thế so sánh để khai thác khu vực thị trường mở ASEAN - Trung Quốc. Củng cố, đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực đang xuất khẩu và đã đứng chân được tại thị trường Trung Quốc, tiếp tục nghiên cứu mở rộng mặt hàng để có đầu tư dài hạn.

- Mở rộng các hình thức hợp tác thúc đẩy phát triển thương mại với Trung Quốc như đẩy mạnh hợp tác xây dựng cửa khẩu và đường thông thương, tăng cường hợp tác kỹ thuật và đầu tư, du lịch, hợp tác xây dựng hai hành lang và một vành đai kinh tế, kết hợp phát triển mậu dịch biên giới với hợp tác kinh tế, tăng cường hợp tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực...

- Đối mới phương thức hoạt động thương mại, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và đầu tư, phát triển các dịch vụ hỗ trợ phát triển thương mại, nghiên cứu các điều kiện về khả năng thực hiện Hiệp định thương mại tự do song phương với Trung Quốc (FTA), xây dựng chiến

lược đối tác thương mại của Việt Nam với các quốc gia có nền kinh tế lớn và các nước trong khu vực.

- Chiến lược Vịnh Bắc Bộ mở rộng được kết cấu thành hai mảng lớn: a) Hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng (quan trọng nhất); b) Tiểu vùng sông Mê Kông với một trục ở giữa là hành lang kinh tế Nam Ninh- Xinggapo được Trung Quốc gọi tắt là chiến lược *Một trục hai cánh* – theo mô hình 3 chữ M – viết theo tiếng Anh (được hiểu là tổ hợp hợp tác kinh tế trên biển, hợp tác kinh tế trên đất liền và hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông) được xem là sự phát triển lôgic, sự phát triển mở rộng của ý tưởng *Hai hành lang một vành đai* do Việt Nam khởi xướng. Trong thời gian tới, Việt Nam và Trung Quốc cần xúc tiến triển khai và đẩy nhanh việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ xây dựng *Hai hành lang một vành đai* – hạt nhân - nơi thể nghiệm, thực thi thể chế hợp tác của chiến lược *Một trục hai cánh*.

Phát triển, mở rộng hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ, củng cố, nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả 3 phạm vi: quốc gia – doanh nghiệp – sản phẩm, thực thi tự do hoá thương mại với những bước đi và tốc độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mình...tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại Việt - Trung – một định hướng chiến lược trong thế kỷ XXI, có thể nói đó chính là *"kim chỉ nam"* để Việt Nam có thể rút ngắn con đường phát triển của mình mà lịch sử thế giới phải trải qua hàng trăm năm mới có. Đây cũng có thể xem là *"lối mở"* hợp quy luật đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.